

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 206/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Bà Trương Thị Thu Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhật Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 824/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 145, tổ 04, ấp K, xã KH, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Đỗ Tuấn A, sinh năm 1974; cư trú tại: Số 145, tổ 04, ấp K, xã KH, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tuấn A do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KH vào ngày 12/10/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc,

nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không cùng quan điểm về cách dạy con nên từ đó thường xảy ra tranh cãi, cả hai đã nhiều lần tìm cách giải quyết nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trầm trọng. Hiện đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tuấn A.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Đỗ Kim Ng, sinh ngày 04/12/2020 và Đỗ Tấn Đ, sinh ngày 01/6/2018, hiện 02 (hai) con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Đỗ Tuấn A vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Đỗ Tuấn A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian chung sống ông và Bà Tuyết N có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát do ông, hiện cả hai đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024. Do ông vẫn còn tình cảm với Bà Tuyết N nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Thống nhất theo lời trình bày của Bà Tuyết N. Khi ly hôn ông đồng ý để Bà Tuyết N tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, ông không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Tuyết N, cho Bà Tuyết N được ly hôn với ông Tuấn A.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 (hai) con chung tên Đỗ Kim Ng và Đỗ Tấn Đ cho Bà Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tuyết N và ông Tuấn A xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KH theo giấy chứng nhận kết hôn số 216 ngày 12/10/2007. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, ông bà đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa Bà Tuyết N cương quyết ly hôn; ông Tuấn A xin đoàn tụ nhưng không tìm được phương án hàn gắn và thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát do ông. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của Bà Tuyết N là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ khi ly thân đến nay 02 (hai) con chung do Bà Tuyết N nuôi dưỡng, tại phiên tòa Bà Tuyết N và ông Tuấn A thống nhất khi ly hôn 02 (hai) con chung do Bà Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa, 02 (hai) con chung đều có nguyện vọng được sống với Bà Tuyết N. Do đó, để ổn định về tâm lý, môi trường sống, điều kiện học tập, nơi ở và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cũng như tôn trọng quyết định của các đương sự và nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 (hai) con chung tên Đỗ Kim Ng và Đỗ Tấn Đ cho Bà Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà Tuyết N không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: Bà Tuyết N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Tuấn A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tuyết N được ly hôn với ông Đỗ Tuấn A.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Tuyết N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con chung tên Đỗ Kim Ng, sinh ngày 04/12/2020 và Đỗ Tấn Đ, sinh ngày 01/6/2018. Ông Tuấn A không phải cấp dưỡng cho con do Bà Tuyết N không yêu cầu.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự: Bà Huỳnh Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009230 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND xã KH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang